



Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025**

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Đầu tư số**

8675445545

ngày 29 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư đã được điều chỉnh một lần vào ngày 29 tháng 6 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày chấp thuận chủ trương đầu tư, ngày 24 tháng 6 năm 2016.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

2901852878

ngày 9 tháng 6 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 14 tháng 10 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An cấp.

Chủ tịch Công ty

Nguyễn Quốc Trung

Ban Giám đốc

Nguyễn Huỳnh Thái Hoàng Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Xóm Cồn Sơn, Xã Minh Hợp
(trước đây là Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp)
Tỉnh Nghệ An
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An
Báo cáo của Chủ tịch và Ban Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỞI CHỦ TỊCH

Ngày lập báo cáo này, Chủ tịch Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Nguyễn Quốc Trung
Chủ tịch

Tỉnh Nghệ An, ngày 3 tháng 3 năm 2026

Chúng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực.....quản số.....SCT/BS

Ngày 22-04-2026



CÔNG CHỨNG VIÊN
Phùng Minh Thủy



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Nhà đầu tư
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH MML Farm Nghệ An ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Chủ tịch Công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MML Farm Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00703-26-1



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thủy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		737.189.833.401	523.173.729.363
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	53.989.984.070	33.070.217.675
Tiền	111		3.089.984.070	4.070.217.675
Các khoản tương đương tiền	112		50.900.000.000	29.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		305.042.003.333	166.632.197.323
Phải thu của khách hàng	131	5	167.743.282.025	146.276.375.915
Trả trước cho người bán	132	6	1.818.328.868	1.806.395.975
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(a)	131.000.000.000	11.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	20.232.804.245	23.300.837.238
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(15.751.411.805)	(15.751.411.805)
Hàng tồn kho	140	10	375.748.689.720	320.477.833.763
Hàng tồn kho	141		375.748.689.720	320.477.833.763
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.409.156.278	2.993.480.602
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.409.156.278	2.993.480.602
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		1.582.337.328.930	1.584.495.706.748
Các khoản phải thu dài hạn	210		124.933.146.928	41.743.124.973
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7(b)	121.000.000.000	41.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	3.933.146.928	743.124.973
Tài sản cố định	220		1.327.008.958.513	1.426.438.903.685
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.327.008.958.513	1.426.438.903.685
Nguyên giá	222		1.903.828.548.059	1.912.845.779.715
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(576.819.589.546)	(486.406.876.030)
Tài sản dở dang dài hạn	240		16.126.760.009	13.429.590.129
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	16.126.760.009	13.429.590.129
Tài sản dài hạn khác	260		114.268.463.480	102.884.087.961
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	114.268.463.480	102.884.087.961
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.319.527.162.331	2.107.669.436.111

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		312.075.947.115	382.666.108.166
Nợ ngắn hạn	310		311.622.810.865	382.194.936.636
Phải trả người bán	311	14	153.201.983.253	129.311.467.401
Người mua trả tiền trước	312		514.329.830	1.384.983.861
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	484.109.933	284.539.615
Chi phí phải trả	315	16	73.983.881.530	66.823.481.084
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	728.516.153	1.209.648.683
Vay ngắn hạn	320	18	82.709.990.166	183.180.815.992
Nợ dài hạn	330		453.136.250	471.171.530
Dự phòng phải trả dài hạn	342		453.136.250	471.171.530
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.007.451.215.216	1.725.003.327.945
Vốn chủ sở hữu	410	19	2.007.451.215.216	1.725.003.327.945
Vốn góp	411	20	864.000.000.000	864.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.143.451.215.216	861.003.327.945
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		481.003.327.945	396.106.456.531
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		662.447.887.271	464.896.871.414
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.319.527.162.331	2.107.669.436.111

Ngày 3 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quốc Trung
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	1.975.313.992.818	1.669.164.860.600
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	63.059.231.334	45.978.255.835
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	22	1.912.254.761.484	1.623.186.604.765
Giá vốn hàng bán	11	23	1.210.166.426.528	1.104.630.365.700
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		702.088.334.956	518.556.239.065
Doanh thu hoạt động tài chính	21		12.506.714.232	5.704.618.291
Chi phí tài chính	22		8.823.301.884	15.180.861.702
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.822.596.665	14.929.322.988
Chi phí bán hàng	25		8.720.961.292	8.133.942.397
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	29.402.684.673	34.944.389.779
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		667.648.101.339	466.001.663.478
Thu nhập khác	31		70.069.017	676.408.720
Chi phí khác	32		4.885.501.665	1.781.200.784
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(4.815.432.648)	(1.104.792.064)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		662.832.668.691	464.896.871.414
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	384.781.420	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		662.447.887.271	464.896.871.414

Ngày 3 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quốc Trung
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	662.832.668.691	464.896.871.414
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	96.330.689.914	97.178.102.157
Các khoản dự phòng	03	84.995.482	6.222.124.167
Lỗi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05	8.263.379.517	8.480.656.327
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(11.657.129.201)	(5.208.900.415)
Chi phí lãi vay	06	8.822.596.665	14.929.322.988
Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	764.677.201.068	586.498.176.638
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(22.177.095.434)	(28.002.378.730)
Biến động hàng tồn kho	10	(116.927.659.958)	3.980.517.157
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	27.646.117.752	4.361.209.300
Biến động chi phí trả trước	12	38.007.438.851	42.019.135.565
		691.226.002.279	608.856.659.930
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.858.959.858)	(15.914.244.006)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	682.367.042.421	592.942.415.924
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(577.363.858)	(50.658.474.309)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	7.960.634.455	165.738.183
Tiền chi cho vay	23	(625.500.000.000)	(101.000.000.000)
Tiền thu hồi khoản cho vay	24	425.500.000.000	144.300.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27	11.640.279.203	141.663.424
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(180.976.450.200)	(7.051.072.702)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	2025 VND	2024 VND
----------	-------------	-------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	532.025.573.871	893.062.051.120
Tiền trả nợ gốc vay	34	(632.496.399.697)	(1.107.991.992.547)
Tiền phân phối lợi nhuận đã trả	36	(380.000.000.000)	(350.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(480.470.825.826)	(564.929.941.427)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	20.919.766.395	20.961.401.795
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	33.070.217.675	12.108.815.880
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	53.989.984.070	33.070.217.675

Ngày 3 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quốc Trung
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chăn nuôi gia súc.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 472 nhân viên (1/1/2025: 484 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất/chăn nuôi chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển và thiết bị truyền dẫn	8 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ lợn giống	4 năm

(f) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho lợn giống, xây dựng và triển khai tài sản cố định hữu hình và vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nuôi lợn giống, xây dựng và lắp đặt.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợn giống

Lợn giống với nguyên giá của mỗi con thấp hơn 30 triệu VND, được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 2 đến 3 năm. Chi phí phân bổ lợn giống liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi lợn thịt trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

(ii) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng là chi phí bồi thường mà Công ty chi trả cho dân cư trong khu vực thuộc phạm vi của hợp đồng thuê đất với cơ quan có thẩm quyền. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 49 năm.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Chi phí xây dựng đường vào trang trại

Chi phí xây dựng đường vào trang trại được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(v) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính.

(h) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(j) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư nợ gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay (“chi phí đi vay”) và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay đi trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là tài sản thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Các khoản thanh toán theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(o) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số dư và số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	3.089.984.070	4.070.217.675
Các khoản tương đương tiền	50.900.000.000	29.000.000.000
	<u>53.989.984.070</u>	<u>33.070.217.675</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Phải thu của khách hàng**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH MEATDeli HN, một bên liên quan khác	167.742.282.025	146.186.375.915
Các khách hàng khác	-	90.000.000
	<u>167.742.282.025</u>	<u>146.276.375.915</u>

Các khoản phải thu từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Trả trước cho người bán**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trả trước mua tài sản cố định	965.585.508	1.559.702.975
Trả trước khác	852.743.360	246.693.000
	1.818.328.868	1.806.395.975

7. Phải thu về cho vay**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Điều khoản và điều kiện của khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	131.000.000.000	11.000.000.000

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của khoản phải thu về cho vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan khác			
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	2027	121.000.000.000	41.000.000.000

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm theo quy định trong hợp đồng cho vay.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi cho vay phải thu từ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn, một bên liên quan (i)	2.023.035.618	5.442.469.868
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	164.245.890	63.441.096
Ký quỹ ngắn hạn	2.257.100.004	3.757.100.004
Tạm ứng cho nhân viên	17.000.000	173.876.000
Phải thu khác	15.771.422.733	13.863.950.270
	20.232.804.245	23.300.837.238

(c) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi cho vay phải thu từ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn, một bên liên quan (i)	3.335.479.454	-
Ký quỹ dài hạn	583.024.969	740.124.973
Phải thu khác	14.642.505	3.000.000
	3.933.146.928	743.124.973

- (i) Lãi cho vay phải thu từ một bên liên quan không có bảo đảm và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi phản ánh khoản dự phòng cho các khoản ký quỹ ngắn hạn chưa thu được và khoản trả trước cho người bán.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	15.751.411.805	10.129.191.000
Tăng dự phòng trong năm		5.622.220.805
Số dư cuối năm	15.751.411.805	15.751.411.805

10. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	27.449.287.076	-	23.367.204.692	-
Công cụ và dụng cụ	5.133.690.684	-	4.722.505.509	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	343.142.320.243	-	292.370.572.601	-
Thành phẩm	23.391.717	-	17.550.961	-
	375.748.689.720	-	320.477.833.763	-

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Lợi giong VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.687.898.253.458	169.537.906.048	31.885.770.555	4.378.077.071	19.145.772.583	1.912.845.779.715
Tăng trong năm	-	1.613.893.798	717.190.001	-	-	2.331.083.799
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	231.245.840	-	-	-	231.245.840
Thanh lý	(1.526.545.604)	(2.436.786.461)	(302.000.001)	-	(5.978.883.939)	(10.244.216.005)
Xóa sổ	-	-	-	-	(1.335.345.290)	(1.335.345.290)
Số dư cuối năm	1.686.371.707.854	168.946.259.225	32.300.960.555	4.378.077.071	11.831.543.354	1.903.828.548.059
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	400.099.688.650	62.766.102.613	13.794.181.128	4.277.330.046	5.469.573.593	486.406.876.030
Khấu hao trong năm	74.740.393.146	14.242.164.497	3.081.460.855	91.884.998	4.174.786.418	96.330.689.914
Thanh lý	(726.897.336)	(1.116.860.462)	(192.944.438)	-	(3.458.023.491)	(5.494.725.727)
Xóa sổ	-	-	-	-	(423.250.671)	(423.250.671)
Số dư cuối năm	474.113.184.460	75.891.406.648	16.682.697.545	4.369.215.044	5.763.085.849	576.819.589.546
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.287.798.564.808	106.771.803.435	18.091.589.427	100.747.025	13.676.198.990	1.426.438.903.685
Số dư cuối năm	1.212.258.523.394	93.054.852.577	15.618.263.010	8.862.027	6.068.457.505	1.327.008.958.513

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 17.757 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 11.708 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Lợi giống VND	Xây dựng dở dang khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	7.866.813.501	5.562.776.628	13.429.590.129
Tăng trong năm	61.612.170.211	686.164.630	62.298.334.841
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(231.245.840)	(231.245.840)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(48.000.414.256)	(762.442.000)	(48.762.856.256)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(44.633.790)	(44.633.790)
Thanh lý	(9.951.344.938)	-	(9.951.344.938)
Xóa sổ	(611.084.137)	-	(611.084.137)
Số dư cuối năm	10.916.140.381	5.210.619.628	16.126.760.009

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trang trại nuôi heo S1	3.774.459.628	3.858.012.128
Trang trại nuôi heo S2	1.436.160.000	1.519.964.500
Khác	-	184.800.000
	5.210.619.628	5.562.776.628

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi nhuận VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí xây dựng đường vào trang trại VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	42.574.403.926	52.542.275.983	6.496.000.512	34.997.723	1.236.409.817	102.884.087.961
Tăng trong năm	-	-	-	4.120.037.595	2.697.499.665	6.817.537.260
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	48.000.414.256	-	-	-	762.442.000	48.762.856.256
Phân bổ trong năm	(26.279.003.248)	(1.268.774.913)	(1.857.220.457)	(694.905.078)	(1.136.301.696)	(31.236.205.392)
Thanh lý	(11.365.456.337)	-	-	-	-	(11.365.456.337)
Xóa sổ	(1.594.356.268)	-	-	-	-	(1.594.356.268)
Số dư cuối năm	51.336.002.329	51.273.501.070	4.638.780.055	3.460.130.240	3.560.049.786	114.268.463.480

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH De Heus – Chi nhánh Nghệ An	66.103.024.760	103.721.996.240
Công ty TNHH CJ Vina Agri – Chi nhánh Hà Nam	54.607.865.660	-
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	4.308.435.589	4.662.824.265
Các nhà cung cấp khác	28.182.657.244	20.926.646.896
	153.201.983.253	129.311.467.401

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	4.308.435.589	4.662.824.265
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	75.265.861	32.241.240
Công ty Cổ phần Mobicast	-	9.258.820

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong thời gian từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Hoàn lại/ Cần trừ VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.181.817	58.659.894	(40.838.950)	(7.423.910)	18.578.851
Thuế thu nhập cá nhân	276.357.798	2.533.266.449	(2.218.302.337)	(510.572.248)	80.749.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	384.781.420	-	-	384.781.420
Thuế khác	-	134.615.134	(134.615.134)	-	-
	284.539.615	3.111.322.897	(2.393.756.421)	(517.996.158)	484.109.933

16. Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công trình xây dựng cơ bản dở dang	49.591.909.886	48.219.214.941
Thường thành tích và lương tháng 13	15.229.311.943	10.795.600.000
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	206.136.800	242.499.993
Chi phí khác	8.956.522.901	7.566.166.150
	73.983.881.530	66.823.481.084

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả công ty mẹ	698.810.216	1.053.879.759
Phải trả khác	29.705.937	155.768.924
	728.516.153	1.209.648.683

Các khoản phải trả cho công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Vay ngắn hạn**

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	183.180.815.992	532.025.573.871	(632.496.399.697)	82.709.990.166
Số có khả năng trả nợ	183.180.815.992			82.709.990.166

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN1 TP. Hồ Chí Minh	4,7%	59.958.917.586	-
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	5,4% - 5,5%	22.751.072.580	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Quang Trung	4,8%	-	178.817.537.515
Ngân hàng TNHH CTBC	3,5% - 6,1%	-	4.363.278.477
		82.709.990.166	183.180.815.992

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn trên được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ cấp cao nhất.

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	864.000.000.000	746.106.456.531	1.610.106.456.531
Lợi nhuận thuần trong năm		464.896.871.414	464.896.871.414
Phân phối lợi nhuận (*)		(350.000.000.000)	(350.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	864.000.000.000	861.003.327.945	1.725.003.327.945
Lợi nhuận thuần trong năm		662.447.887.271	662.447.887.271
Phân phối lợi nhuận (*)		(380.000.000.000)	(380.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	864.000.000.000	1.143.451.215.216	2.007.451.215.216

(*) Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận với số tiền là 380 tỷ VND (2024: 350 tỷ) cho Công ty Cổ phần Masan MEATLife, công ty mẹ.

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Vốn góp**

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty như sau:

	Được duyệt và Đã góp 31/12/2025 và 1/1/2025	
	VND	%
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	864.000.000.000	100%

Vốn điều lệ được duyệt của Công ty đã được nhà đầu tư góp đủ.

Không có biến động vốn điều lệ đã góp trong năm.

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	1.183.200.000	2.042.640.000
Trong vòng hai đến năm năm	4.381.200.000	3.028.800.000
Sau năm năm	3.575.880.000	2.630.200.000
	9.140.280.000	7.701.640.000

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và chưa ký kết hợp đồng	13.455.609.635	1.543.786.854
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	7.474.572.786	7.774.406.817
	20.930.182.421	9.318.193.671

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu:		
▪ Thành phẩm đã bán	1.873.163.890.000	1.573.430.283.000
▪ Khác	102.150.102.818	95.734.577.600
	1.975.313.992.818	1.669.164.860.600
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu:		
▪ Chiết khấu thương mại	62.684.281.000	45.647.180.500
▪ Giảm giá hàng bán	374.950.334	331.075.335
	63.059.231.334	45.978.255.835
Doanh thu thuần	1.912.254.761.484	1.623.186.604.765

23. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán:		
▪ Thành phẩm đã bán	1.116.651.718.141	984.844.000.683
▪ Khác	93.514.708.387	119.786.365.017
	1.210.166.426.528	1.104.630.365.700

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2025 VND	2024 VND
Phí quản lý, công nghệ thông tin và phí khác	19.849.569.136	17.576.557.695
Chi phí nhân viên	5.661.563.287	7.912.889.664
Dự phòng phải thu khó đòi	-	5.622.220.805
Chi phí thuê hoạt động	162.098.000	203.251.000
Chi phí tiện ích	146.957.054	145.414.684
Chi phí khấu hao và phân bổ	168.797.061	168.797.066
Chi phí khác	3.413.700.135	3.315.258.865
	29.402.684.673	34.944.389.779

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	914.747.376.398	823.488.788.741
Chi phí nhân công và nhân viên	105.364.383.614	98.506.331.857
Chi phí khấu hao	96.330.689.914	97.178.102.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.312.531.298	52.615.462.882
Chi phí khác	74.535.091.269	75.920.012.239

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	662.832.668.691	464.896.871.414
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	-	-
Ảnh hưởng mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác	384.781.420	-
	384.781.420	-

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thuế suất áp dụng**

Theo các quy định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chăn nuôi heo của trang trại tại Xóm Cồn Sơm, Xã Minh Hợp (trước đây là “Xã Hạ Sơm, Huyện Quỳnh Hợp”), Tỉnh Nghệ An.

Ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Masan MEATLife		
Phân phối lợi nhuận	380.000.000.000	350.000.000.000
Phí quản lý	16.312.600.976	13.734.694.631
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Bán hàng hóa	557.122.530.000	443.820.729.000
Chiết khấu và giảm giá hàng bán	15.254.676.334	5.809.571.335
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Khoản cho vay đã cấp	415.500.000.000	101.000.000.000
Khoản cho vay đã thu hồi	215.500.000.000	144.300.000.000
Thu nhập lãi cho vay	8.800.934.244	5.003.795.895
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Mua hàng hóa	72.485.537	11.071.848
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02		
Mua hàng hóa	323.567.177	503.753.320
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	46.772.205	46.780.317
Công ty TNHH Zenith Investment		
Khoản cho vay đã cấp	210.000.000.000	-
Khoản cho vay đã thu hồi	210.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	28.767.123	-

Công ty TNHH MML Farm Nghệ An

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 2024, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Ngày 3 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quốc Trung
Chủ tịch

